TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 661/2023/DS-ST
Ngày: 23/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Đăng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huỳnh

Ông Lữ Hà Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 116/2023/TLST-DS ngày 06/3/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-DS ngày 05/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-DS ngày 27/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT

Trụ sở: Đường N, Phường V, Quận B, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Thân Lê N. Giấy ủy quyền số 1081/2022/UQ-TGĐ ngày 26/12/2022

Thường trú: Đường B, Phường P, Quận T, Thành phố H.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Bành Thu N, sinh năm 1996

Thường trú: Đường T, Phường T, Quận P, Thành phố H

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13/01/2023 và các bản khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thân Lê N trình bày:*

Ngày 18/3/2020, bà Bành Thu N ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo mẫu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT (sau đây gọi là Ngân hàng). Theo đó Ngân hàng chấp nhận phát hành 01 thẻ tín dụng có hạn mức 50.000.000 đồng, mức lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 28,8%/năm, số 436438-7184.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng nêu trên, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 299.998.593 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh 255.530.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau ngày 05/01/2021 bà N không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào theo thỏa thuận. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn ngày 06/5/2021 (Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 117.180.461 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) tạm tính đến ngày 23/8/2023 cụ thể: nợ gốc là 58.356.941 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.823.520 đồng. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/3/2020. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Bành Thu N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N vắng mặt không có lý do.*

Đến ngày xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bảng kê chi tiết lịch sử thanh toán của bà Bành Thu N, có cơ sở xác định bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện bà N đối với việc sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng thì đây là quan hệ hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Theo kết quả xác minh, bà Bành Thu N có đăng ký thường trú tại Đường T, Phường T, Quận P, Thành phố H. Tuy nhiên hiện nay bà N không thực tế cư ngụ tại địa phương, đi đâu không rõ.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập bà N để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 27/7/2023 và phiên tòa hôm nay nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, bà N không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng bà N đã ký ngày 18/3/2020, nội dung đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng và Ngân hàng phê duyệt hạn mức 50.000.000 đồng. Bà N cũng xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc nghĩa vụ và chịu trách nhiệm bởi bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng là Đơn vị phát hành thẻ (sau đây gọi là bản Điều khoản). Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ nêu trên phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng

Nhà nước; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước nên có hiệu lực pháp luật.

Sau ngày 05/01/2021 bà N không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng là bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo Điều 13, Điều 24 của bản Điều khoản, ngày 06/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số nợ gốc là 58.356.941 đồng.

Theo Quyết định ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019, lãi suất thẻ tín dụng là 28,8%/năm. Cho đến nay Ngân hàng không có thay đổi mức lãi suất này. Tại Điều 24 bản Điều khoản áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất thẻ tín dụng. Căn cứ Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, lãi suất Ngân hàng áp dụng là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu của Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả toàn bộ số tiền 117.180.461 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) tạm tính đến ngày 23/8/2023 cụ thể: nợ gốc là 58.356.941 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.823.520 đồng. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/3/2020. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Điều 13, Điều 20, Điều 21, Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước khi bà N không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng nêu trên, chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.859.023 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.499.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0030149 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 và điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 13, Điều 20, Điều 21, Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT.

Bà Bành Thu N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT số tiền 117.180.461 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) tạm tính đến ngày 23/8/2023 cụ thể: nợ gốc là 58.356.941 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.823.520 đồng phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/3/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Bành Thu N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/3/2020.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

Bà Bành Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.859.023 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi chín nghìn hai mươi ba đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.499.000 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0030149 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT và bà Bành Thu N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THA DS Q.PN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Đăng Hà